

KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA SINH VIÊN NAM VÀ NỮ TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TẠI HÀ NỘI

DƯƠNG THỊ THU HƯƠNG*

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu của đề tài cơ sở “Khả năng thích ứng của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19” được thực hiện năm 2021. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: nghiên cứu tài liệu và thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến với 810 sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư/thứ năm một số trường Đại học trên địa bàn Hà Nội. Dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài, bài viết đánh giá thực trạng mức độ thích ứng của sinh viên với những mặt cơ bản của cuộc sống, học tập, cảm xúc, mối quan hệ gia đình, bạn bè. Từ đó đưa ra những định hướng khuyến nghị phù hợp nhằm trợ giúp những nhóm yếu thế thích ứng chậm hơn với tác động từ Covid-19, vượt qua được những khó khăn và tổ chức cuộc sống phù hợp hơn trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn chưa hoàn toàn kết thúc.

Từ khoá: Sinh viên, thích ứng, Covid-19, giới

Abstract: This article presents the research results of the grassroots topic “Adaptability of students in the context of the current Covid-19 epidemic” implemented in 2021. The research methods used include: studying related documents and conducting surveys by online questionnaires sent to 810 students from the first year to the fourth/fifth year of universities in Hanoi. Based on the research results of the topic, the article assesses the status of students’ adaptation to the basic aspects of life, study, emotions, family and friend relationships. From there, the article provides appropriate solutions which help disadvantaged groups adapt more slowly to the impact of Covid-19 to overcome difficulties and organize their lives more appropriately in the context that the Covid-19 pandemic has not totally ended.

Keywords: Students, adaptation, Covid-19, gender

* Học viện Báo chí và tuyên truyền

Ngày nhận bài: 17/10/2022; Ngày phản biện: 09/11/2022; Ngày duyệt đăng: 27/02/2023

Đặt vấn đề

Dịch bệnh COVID-19 đã diễn ra trên thế giới và tại Việt Nam từ những tháng cuối năm 2019. Tại Việt Nam, các ca bệnh đầu tiên được xác định vào thời điểm cuối năm 2019, đầu năm 2020 cùng với sự hoang mang, lo lắng của toàn xã hội vì đây là bệnh lần đầu xuất hiện, có khả năng lây nhiễm nhanh trong cộng đồng. Bên cạnh đó, y tế thế giới và trong nước chưa có nhiều thông tin về cơ chế phát triển, lây bệnh, tác động đến sức khoẻ và nguy cơ tử vong, đồng thời chưa có vắc xin và phác đồ điều trị tối ưu. Trong thời gian này, Việt Nam cũng đã huy động và tập trung nhiều nguồn lực và chiến lược ứng phó để phòng chống dịch. Hầu hết các tỉnh thành phố trên cả nước đã phải trải qua nhiều đợt giãn cách xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội cũng như hoạt động sinh hoạt hàng ngày của mọi tầng lớp người dân.

Ước tính số lượng sinh viên toàn quốc năm học 2019 - 2020 là 1.672.881 sinh viên, thuộc 237 trường đại học đã phải chịu ảnh hưởng từ nhiều đợt dịch diễn ra (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Sinh viên tất cả các trường đại học trên toàn quốc đã phải trải qua nhiều kỳ học trực tuyến kéo dài, bắt đầu bằng đợt cách ly toàn xã hội trong phạm vi thành phố Hà Nội theo chỉ thị 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01/04/2020 trên phạm vi toàn quốc (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Tiếp đó, sinh viên cũng đối mặt với nhiều đợt học trực tuyến trong suốt năm 2020, 2021 và cả những tháng đầu năm 2022. Với bối cảnh sống, học tập và sinh hoạt mới, sinh viên đối mặt với việc thiếu thiết bị, mạng internet, thiếu vắng những hoạt động ngoại khoá, tương tác xã hội trực tiếp, ảnh hưởng đến cơ hội làm thêm. Nhiều sinh viên cũng chịu tác động từ phía gia đình: áp lực về kinh tế gặp khó khăn hay áp lực tâm lý do giãn cách cùng với những chi phí có thể phải chi trả thêm trong tình huống học online, bản thân sinh viên hoặc gia đình phải đi cách ly, mắc bệnh ... Do dịch bệnh kéo dài đã hơn 2 năm, đối mặt với nhiều khó khăn, thay đổi, khả năng thích ứng với tình hình mới, yêu cầu, bối cảnh mới trở thành điều kiện tất yếu để tồn tại. Mặc dù vậy, khả năng thích ứng của mỗi sinh viên thường không giống nhau, do hoàn cảnh và các yếu tố tác động khách quan và chủ quan khác nhau.

Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, trong hai năm vừa qua cũng đã có một số nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát và tìm hiểu tác động của Covid-19 đến sinh viên, trong đó chủ yếu tập trung phân tích tác động đến việc học tập và khả năng thích ứng với việc học trong bối cảnh mới. Một số nghiên cứu tập trung vào mặt tích cực và mặt hạn chế của việc học trực tuyến. Ví dụ như nghiên cứu của Radu & cộng sự (2020) tiến hành với sinh viên Đại học Bacau (Romania) nhận định rằng, trong thời gian Covid-19, học online mang lại sự linh hoạt trong quá trình dạy và học, trong đó nổi bật với tỉ lệ 26,6% cho rằng họ dễ giao tiếp với giảng viên hơn, 21,4% giúp thay đổi phương thức đánh giá năng lực, cung cấp phản hồi của sinh viên đầy đủ hơn. Tuy vậy, mặt hạn chế vẫn còn tồn tại, chủ yếu liên quan đến cơ sở hạ

tăng (internet, kết nối trực tuyến, thiết bị trực tuyến) và thiếu hụt tương tác giữa người dạy và người học cũng như hạn chế trong ứng dụng thực tế (Radu & cộng sự, 2020). Tương tự, nghiên cứu của Ilieva & cộng sự (2021) cũng đã phân tích những mặt tích cực và hạn chế nói trên, cho thấy chất lượng dạy và học phụ thuộc nhiều vào môi trường mạng, cụ thể là khả năng kết nối mạng ổn định và môi trường học tập phù hợp ở nhà của học sinh. Nghiên cứu còn cho thấy những tác động đáng kể của Covid-19 đến học sinh nông thôn khi điều kiện kinh tế khó khăn, họ gặp nhiều rào cản khi tiếp cận học trực tuyến: đường truyền kết nối thiếu ổn định, hay hạn chế về thiết bị học tập (Galina Ilieva & cộng sự, 2021). Kết quả này cũng có điểm tương đồng khi phân tích điểm số về khả năng thích ứng của sinh viên nông thôn kém hơn sinh viên đô thị về tổng thể. Tuy nhiên, sinh viên nữ ở nông thôn lại có điểm số thích ứng cao hơn so với sinh viên nam và không thua kém so với sinh viên cả nam và nữ tại đô thị. Có thể, trong hoàn cảnh khó khăn, sinh viên nữ phát huy được tính năng động, mềm dẻo, linh hoạt và thích ứng tốt hơn với hoàn cảnh, yêu cầu mới.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của nhóm tác giả Đại học Huế với trường hợp sinh viên khoa Du lịch về những yếu tố rào cản khi sinh viên học online, cũng cho kết quả tương đồng với nhiều nghiên cứu nước ngoài đã đề cập ở trên, đó là yếu tố môi trường, lo lắng về đường truyền internet không ổn định, thiếu vắng tương tác bạn bè, thầy cô ảnh hưởng đến hiệu quả học tập (Bùi Quang Dũng & cộng sự, 2021). Các nghiên cứu đã thực hiện hầu hết tập trung vào phân tích tác động Covid-19 đến hiệu quả và cơ hội tham gia học trực tuyến của sinh viên. Thực tế cho thấy, dịch Covid-19 là dịch bệnh lớn, xảy ra trên quy mô toàn thế giới, diễn ra trong một thời gian dài khiến nhiều hoạt động xã hội bị ngưng trệ.

Bên cạnh tác động đến học tập, dịch Covid-19 còn tác động đến nhiều mặt của đời sống sinh viên: tác động đến các mối quan hệ gia đình, bạn bè, xã hội, việc làm thêm, kiểm soát cảm xúc, tâm lý, cân bằng giữa học tập và các khía cạnh khác của đời sống. Do vậy, đánh giá tổng thể khả năng thích ứng của sinh viên với các mặt khác nhau của đời sống, học tập dưới tác động của dịch Covid-19 là cần thiết. Ngoài ra, việc làm rõ sự khác biệt về giới trong thích ứng với Covid-19 cũng góp phần làm tăng hiểu biết về khác biệt giới và khả năng thích ứng với những rủi ro, bất trắc xảy ra trong đời sống nói chung, dịch bệnh Covid-19 nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đánh giá thực trạng thích ứng với nhiều khía cạnh khác nhau của sinh viên đang học tại các trường đại học, trong đó có xem xét đến khác biệt giới trong thích ứng với từng mặt khác nhau nói trên, nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến tới 810 sinh viên đang học tại các trường Đại học tại Hà Nội. Nhằm đa dạng hoá người tham gia khảo sát, nghiên cứu làm theo các bước sau:

- Gửi thư mời đến sinh viên từ năm 1 đến năm thứ 5 của sinh viên thuộc ít nhất 2 khoa của các trường thuộc đa dạng khối ngành: kinh tế, tài chính, khoa học xã hội, truyền thông, giáo dục, tâm lý, luật, kỹ thuật, công nghệ ..., bao gồm các trường: Đại học Bách Khoa Hà

Nội, Đại học Giao thông vận tải, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Công Đoàn.

- Nghiên cứu gửi thư ngỏ nhờ chính sinh viên các trường nói trên gửi đến mạng lưới bạn bè (đang học đại học và học khác trường với họ): mỗi bạn gửi hộ lời mời đến từ 5 - 10 sinh viên thuộc các trường khác nhau tham gia nghiên cứu.

Nội dung lời giới thiệu đề cập đến mục đích, ý nghĩa nghiên cứu, tính ẩn danh của nghiên cứu, địa chỉ liên lạc của nhà nghiên cứu để bất kỳ thành viên nào tham gia nghiên cứu đều có thể liên lạc, giải đáp thắc mắc.

Kết quả phân tích cơ cấu mẫu cho thấy: 21,7% mẫu nghiên cứu là sinh viên thuộc khối kỹ thuật (xây dựng, bách khoa, giao thông, mỏ, kiến trúc, điện lực), 29% mẫu nghiên cứu là sinh viên khối sư phạm, văn hoá, giáo dục, ngôn ngữ; 14,9% mẫu sinh viên thuộc khối ngành truyền thông, báo chí, lý luận, nhân văn khác; 17% mẫu sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng; 17,4% sinh viên thuộc các khối ngành khác.

Về nội dung nghiên cứu các chỉ báo sử dụng trong phân tích, nghiên cứu tìm hiểu mức độ thích ứng của sinh viên thông qua 10 nội dung:

- Mức độ thích ứng với việc học trực tuyến;
- Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ gia đình tích cực mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ bạn bè tích cực mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với kiểm soát cảm xúc, tâm lý mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với rèn luyện thể chất, tinh thần mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với chăm sóc dinh dưỡng, tổ chức bữa ăn hợp lý mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với kiểm soát chỉ tiêu cân bằng, hợp lý trong bối cảnh dịch bệnh;
- Mức độ thích ứng với việc làm thêm, thực tập, thực hành mùa dịch;
- Mức độ thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch (tỉnh/thành phố, cơ quan, nơi cư trú, trường học...);
- Mức độ thích ứng điều chỉnh cân bằng được cuộc sống học tập, giải trí trong bối cảnh dịch bệnh.

Với mỗi nội dung thích ứng nói trên, nghiên cứu sử dụng thang điểm, với điểm số đánh giá từ 0 đến 5, trong đó 0 điểm tương đương với “chưa thích ứng”, và 5 điểm là “thích ứng tốt”.

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phân tích tương quan và điểm trung bình (ĐTB) nhằm đánh giá thực trạng thích ứng của sinh viên với từng nội dung đánh giá, đồng thời giá trị ĐTB cho phép so sánh, đánh giá mức độ tương đồng và khác biệt về khả năng thích ứng của sinh viên nam và nữ. Nghiên cứu cũng sử dụng kỹ thuật tạo biến gộp đánh giá mức độ thích ứng

của sinh viên về các mặt đời sống, học tập, gia đình, xã hội dưới tác động của dịch Covid-19. Điểm số đánh giá của biến gộp sẽ là tổng điểm của 10 nội dung đánh giá, do vậy điểm số của biến gộp sẽ chạy từ 0 đến 50 điểm, trong đó điểm càng cao thể hiện mức độ thích ứng với các mặt của sinh viên ở mức tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu tìm hiểu khả năng thích ứng của sinh viên với 10 mặt khác nhau của đời sống, học tập, sinh hoạt hàng ngày. Bảng số liệu dưới đây phân tích tần suất các mức độ thích ứng của từng mặt đời sống sinh viên trong mẫu nghiên cứu, mức độ thích ứng được đánh giá từ 0 đến 5 điểm, đồng thời so sánh ĐTB mức độ thích ứng của 10 nội dung nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy tỉ lệ sinh viên cho biết họ hoàn toàn chưa thích ứng được với 10 nội dung phân tích (thích ứng ở mức “0” điểm) hoặc thích ứng ở mức 1 điểm (thích ứng rất thấp) là khá thấp: chỉ rơi vào khoảng từ 2% đến 5%, cá biệt đánh giá của sinh viên về mức độ thích ứng với thực tập, thực hành, làm thêm mùa dịch ở điểm “0” và điểm “1” là cao nhất (7,2% sinh viên cho biết chưa thích ứng và 7,3% sinh viên cho biết mới thích ứng ở mức rất thấp). Đây cũng là nội dung sinh viên đánh giá điểm số trung bình mức độ thích ứng thấp nhất trong nhóm 10 nội dung nghiên cứu (2,9 điểm/5 điểm).

Bảng 1. *Mức độ thích ứng của sinh viên với các mặt của đời sống, học tập, quan hệ xã hội trong bối cảnh tác động của Covid-19*

TT	Các mặt của đời sống, học tập, mối quan hệ	Tần suất lựa chọn điểm đánh giá mức độ thích ứng với các nội dung cụ thể từ 0 đến 5 điểm						Điểm Trung bình
		0	1	2	3	4	5	
1	Mức độ thích ứng với việc học trực tuyến	3,1	4,0	6,8	34,3	34,9	16,9	3,45
2	Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ gia đình tích cực mùa dịch	2,0	2,2	4,7	24,4	29,5	37,2	3,89
3	Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ bạn bè tích cực mùa dịch	1,6	3,3	7,8	28,1	33,6	25,6	3,65
4	Mức độ thích ứng với kiểm soát cảm xúc, tâm lý mùa dịch	2,8	4,6	10,2	32,8	31,1	18,4	3,40
5	Mức độ thích ứng với rèn luyện thể chất, tinh thần mùa dịch	3,8	4,9	11,4	35,2	26,5	18,1	3,30
6	Mức độ thích ứng với chăm sóc dinh dưỡng, tổ chức bữa ăn hợp lý mùa dịch	3,1	4,0	13,2	40,2	24,4	15,1	3,24

TT	Các mặt của đời sống, học tập, mối quan hệ	Tần suất lựa chọn điểm đánh giá mức độ thích ứng với các nội dung cụ thể từ 0 đến 5 điểm						Điểm Trung bình
		0	1	2	3	4	5	
7	Mức độ thích ứng với kiểm soát chi tiêu cân bằng, hợp lý trong bối cảnh dịch bệnh	2,7	3,1	12,5	40,2	27,5	14	3,29
8	Mức độ thích ứng với việc làm thêm, thực tập, thực hành mùa dịch	7,2	7,3	16,3	38,5	18,6	12,1	2,9
9	Mức độ thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch (tỉnh/ thành phố, cơ quan, nơi cư trú, trường học ...)	1,9	2,6	6,3	24,6	23,5	41,2	3,89
10	Mức độ thích ứng điều chỉnh cân bằng được cuộc sống học tập, giải trí trong bối cảnh dịch bệnh.	2,6	3,7	11	33,2	29,6	19,9	3,43

Có 2 nội dung được sinh viên đánh giá với số ĐTB mức độ thích ứng cao nhất và đều đạt ĐTB 3,89/5 điểm là “Thích ứng với duy trì mối quan hệ gia đình tích cực mùa dịch” và “Thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch (tỉnh/ thành phố, cơ quan, nơi cư trú, trường học ...)”. Các nội dung còn lại được sinh viên đánh giá mức độ thích ứng đạt từ 3,2 điểm đến 3,7 điểm trên tổng số 5 điểm. Không có nội dung nào trong số 10 nội dung được sinh viên đánh giá đạt ĐTB mức độ thích ứng từ 4 điểm trở lên (mức độ thích ứng khá và tốt trở lên).

Về thích ứng với học trực tuyến, ĐTB đánh giá mức độ thích ứng đạt 3,45 điểm trên tổng số 5 điểm, trong đó có 3,1% sinh viên cho biết họ không thích ứng được với việc học trực tuyến, 34,3% thích ứng ở mức trung bình và 34,9% thích ứng ở mức tương đối tốt, 16,9% thích ứng ở mức rất tốt. Điểm trung bình đánh giá mức độ thích ứng với việc học trực tuyến thấp hơn so với mức độ thích ứng với đánh giá mức độ thích ứng trong duy trì mối quan hệ tích cực với gia đình, bạn bè trong mùa dịch.

Sinh viên đánh giá mức độ thích ứng với việc làm thêm, thực tập, thực hành mùa dịch với điểm thích ứng thấp nhất đạt 2,9 điểm/5 điểm, điều này hoàn toàn hợp lý do xã hội liên tục giãn cách, hạn chế di chuyển, đi lại và gặp gỡ trực tiếp. Mùa dịch, việc ở nhà, dành nhiều thời gian cho gia đình không khiến sinh viên cảm thấy khó thích ứng mà ngược lại, sinh viên đánh giá mức độ gắn kết với gia đình ở mức điểm tối đa (5 điểm) là cao nhất: 37,2%, tỉ lệ này cao hơn rất nhiều so với các tiêu chí đánh giá khác. So sánh sự tương đồng và khác biệt khả

năng thích ứng với các mặt của cuộc sống trong bối cảnh ảnh hưởng của Covid-19 giữa sinh viên nam và nữ, kết quả phân tích cụ thể được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2. Điểm trung bình mức độ thích ứng của sinh viên với các khía cạnh trong đời sống xã hội dưới tác động của Covid-19 phân theo giới tính

TT	Các khía cạnh trong đời sống, học tập, mối quan hệ	Nam	Nữ
1	- Mức độ thích ứng với việc học trực tuyến	3,37	3,5
2	- Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ gia đình tích cực mùa dịch	3,82	3,94
3	- Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ bạn bè tích cực mùa dịch	3,54*	3,74*
4	- Mức độ thích ứng với kiểm soát cảm xúc, tâm lý mùa dịch	3,46	3,35
5	- Mức độ thích ứng với rèn luyện thể chất, tinh thần mùa dịch	3,40*	3,23*
6	- Mức độ thích ứng với chăm sóc dinh dưỡng, tổ chức bữa ăn hợp lý mùa dịch	3,27	3,22
7	- Mức độ thích ứng với kiểm soát chỉ tiêu cân bằng, hợp lý trong bối cảnh dịch bệnh	3,29	3,28
8	- Mức độ thích ứng với việc làm thêm, thực tập, thực hành mùa dịch	2,95	2,87
9	- Mức độ thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch (tỉnh/thành phố, cơ quan, nơi cư trú, trường học ...)	3,78*	3,97*
10	- Mức độ thích ứng điều chỉnh cân bằng được cuộc sống học tập, giải trí trong bối cảnh dịch bệnh.	3,34*	3,5*

* *P value* = < 0,05

Có 4 trong số 10 nội dung đánh giá đề cập ở bảng trên có sự khác biệt về mức độ thích ứng giữa sinh viên nam và sinh viên nữ đó là: Mức độ thích ứng với duy trì mối quan hệ bạn bè tích cực mùa dịch; Mức độ thích ứng với rèn luyện thể chất, tinh thần mùa dịch; Mức độ thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch; Mức độ thích ứng điều chỉnh cân bằng được cuộc sống học tập, giải trí trong bối cảnh dịch bệnh. Trong đó chỉ có một nội dung thể hiện mức độ thích ứng của sinh viên nam cao hơn sinh viên nữ là *Mức độ thích ứng với rèn luyện thể chất, tinh thần mùa dịch*, còn lại có 3 nội dung cho thấy mức độ thích ứng của sinh viên nữ cao hơn sinh viên nam. Không có sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê về mức độ thích ứng của sinh viên nam và sinh viên nữ với các mặt đánh giá còn lại.

Nhằm đánh giá tổng thể khả năng và mức độ thích ứng của sinh viên nam và sinh viên nữ với các mặt của cuộc sống trong bối cảnh dịch bệnh, nghiên cứu sử dụng phương pháp cộng biến, với biến tổng thể mức độ thích ứng là tổng của điểm đánh giá của 10 nội dung. Kết quả phân tích cho thấy ĐTB đánh giá mức độ thích ứng với các mặt của cuộc sống của sinh viên trong mẫu nghiên cứu là 34,5 điểm (trên tổng số 50 điểm). Không có sự khác biệt về

mức độ thích ứng với các mặt của cuộc sống ở học sinh nữ so với học sinh nam (34,61 điểm so với 34,22 điểm), và P value > 0,05. Tuy nhiên, khi tách nhóm sinh viên nông thôn và sinh viên đô thị, kết quả phân tích cho thấy mức độ thích ứng của sinh viên đô thị cao hơn so với sinh viên nông thôn với tổng thể các mặt của đời sống trong bối cảnh dịch Covid-19 (34,93 điểm so với 34,05 điểm). Đáng chú ý, đối với nhóm sinh viên xuất thân từ nông thôn, điểm số đánh giá mức độ thích ứng với tổng thể các khía cạnh của cuộc sống ở sinh viên nữ cao hơn đáng kể so với sinh viên nam: điểm số thích ứng của sinh viên nữ và nam có xuất thân tại nông thôn tương ứng là 34,96 và 32,85 điểm trên tổng số 50 điểm (P value < 0,05).

Kết luận

Bài viết đưa ra kết quả phân tích cho thấy ĐTB chung mức độ thích ứng của sinh viên với tổng thể các mặt, các khía cạnh của cuộc sống, học tập, gia đình, bạn bè của sinh viên ở mức trên 34 điểm, nằm giữa khung điểm 30 và 40 điểm trên tổng số 50 điểm, như vậy mới chỉ đạt ở mức thích ứng trung bình khá, chưa đạt ở mức tốt (từ 40 điểm trở lên). Sinh viên đánh giá mức độ thích ứng đạt điểm cao nhất là thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch, thích ứng với duy trì mối quan hệ tích cực trong gia đình.

Thực tế dịch Covid-19 đã diễn ra hơn 2 năm, thời gian đủ dài để sinh viên thích nghi tốt, tạo thành thói quen hàng ngày đáp ứng nguyên tắc, yêu cầu phòng chống dịch (ví dụ như 5K, khai báo y tế ...). Bên cạnh đó, đa phần sinh viên quay trở về sống chung với gia đình trong các đợt dịch bùng phát, việc sống và học tập tại gia đình của chính mình là điều không quá khó với họ, dễ thích ứng hơn so với những vấn đề mới mẻ khác. Mặc dù được đánh giá mức điểm thích ứng cao nhất trong các nội dung đánh giá, tuy nhiên điểm đánh giá cũng không vượt quá mức điểm 4 trên tổng số 5 điểm. Trong 10 nội dung nghiên cứu, vấn đề làm thêm, thực hành và thực tập trong bối cảnh điều kiện dịch bệnh là yếu tố được sinh viên đánh giá khó thích nghi nhất so với các yếu tố còn lại, do một phần nó không phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng kiểm soát của sinh viên, nó phụ thuộc vào những quy định về dịch chuyển, quy định của nơi nhận thực tập, kiến tập, làm thêm.

Các phân tích dữ liệu cũng cho thấy, về khả năng thích nghi chung với các mặt của đời sống: không có sự khác biệt về điểm số đánh giá mức độ thích ứng giữa sinh viên nam và sinh viên nữ. Tuy nhiên sinh viên nữ đánh giá họ thích ứng tốt hơn trong 3 nội dung: duy trì mối quan hệ bạn bè mùa dịch; cân bằng được cuộc sống, học tập, giải trí; thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch bệnh. Mặc dù sự khác biệt là có ý nghĩa thống kê (P value < 0,05) nhưng mức độ chênh lệch thì không quá lớn. Phân tích khác biệt về giới về mức độ thích ứng với các mặt của cuộc sống theo khu vực nông thôn và đô thị cho thấy sinh viên nữ tại nông thôn có điểm số thích ứng với tổng thể các mặt cao hơn so với sinh viên nam.

Kết quả nghiên cứu gợi mở một số định hướng, gợi ý giải pháp trợ giúp sinh viên thích ứng tốt hơn trong bối cảnh dịch bệnh còn tiếp diễn. Trong đó, cần chú trọng nhiều hơn đến

trợ giúp sinh viên thích ứng tốt hơn với một số yếu tố như: thực hành, thực tập mùa dịch, chăm sóc dinh dưỡng, cân bằng cuộc sống, học tập, giải trí cũng như các khía cạnh khác của cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên nông thôn có xu hướng gặp nhiều khó khăn hơn trong thích ứng với các mặt của đời sống, học tập trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 và họ cũng là đối tượng cần được các trường chú trọng hơn trong công tác trợ giúp. Sự khác biệt giới trong thích ứng với các khía cạnh của cuộc sống, học tập, mối quan hệ xã hội của sinh viên cũng là một trong những phát hiện mới từ nghiên cứu, một số bằng chứng bước đầu cho thấy nam sinh viên đánh giá mức độ thích ứng với một số khía cạnh thấp hơn so với nữ: cân bằng cuộc sống, duy trì mối quan hệ bạn bè hay yêu cầu phòng chống dịch. Mặc dù cần thêm những bằng chứng nghiên cứu bổ sung nhằm khẳng định chắc chắn hơn kết quả nghiên cứu, cần chú trọng hơn đến trợ giúp sinh viên nói chung và sinh viên nam nói riêng trong bối cảnh dịch Covid-19 đã kéo dài trong nhiều năm và chưa có dấu hiệu hoàn toàn chấm dứt.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2021). Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2019 - 2020. Lấy từ: <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=7389>
- Bùi Quang Dũng & cộng sự (2021). Một số khó khăn của sinh viên khi học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*.
- Hassan, M. & Xuereb, A. (2021). Reducing the impact of Covid-19 on inequalities in higher education: A call for action to the international community. Truy cập từ: https://www.ria.ie/sites/default/files/iap_covid_higher_education_1.pdf
- Ilieva, G. & cộng sự (2021). Effects of Covid-19 pandemic on university student's learning. *Information 12*, 163.
- Radu, M. C. & et al (2020). The impact of the Covid-19 pandemic on the quality of educational process: A student survey. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17, pp. 7770.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 ngày 31/3/2020. Lấy từ: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2020/03/16.signed.pdf>.